

Số: 1041/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 29 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/7/2010 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND, ngày 27/01/2014 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND, ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh về việc phân cấp và giao kế hoạch vốn dạy nghề cho lao động nông thôn của Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014 cho các địa phương, đơn vị;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính tại Tờ trình số 755/TTr-LĐTBXH-TC ngày 20/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn năm 2014 cho các địa phương, đơn vị như biểu kính kèm.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn chi tiết thực hiện Quyết định này.

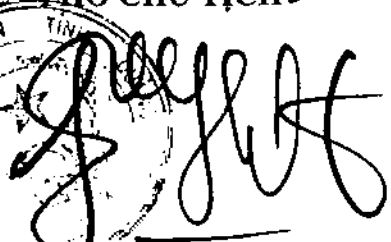
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

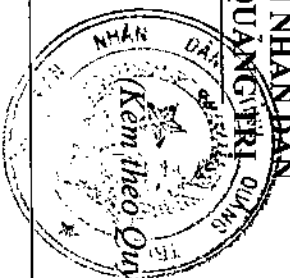
Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Đức Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**



KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 1041 /QĐ-UBND, ngày 29 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			11	310	550.000.000	
1	Trường Trung cấp nghề Quảng Trị			2	64	115200000	
	May công nghiệp	Trường Trung cấp nghề Quảng Trị	4	2	64	115.200.000	
2	Trường TCN Giao thông vận tải Quảng Trị			1	22	39.600.000	
	Vận hành máy xúc	Đồng Hà	3	1	22	39.600.000	
3	Trường tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân			1	30	54.000.000	
	May công nghiệp	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân	4	1	30	54.000.000	
4	Trường tâm Giới thiệu việc làm			2	52	71.600.000	
	May công nghiệp	Gio Linh	4	1	30	54.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Gio Linh	1	1	22	17.600.000	
5	Công ty Cổ phần May và Thương mại Quảng Trị			2	60	108.000.000	
	May công nghiệp	Thị xã Quảng Trị	4	2	60	108.000.000	
6	Trường Trung học Y tế Quảng Trị			1	20	50.000.000	
	Xoa bóp bấm huyệt	Đồng Hà	3	1	20	50.000.000	

(Signature)

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
7	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Hải Lăng			2	62	111.600.000	
	May công nghiệp	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Hải Lăng	4	2	62	111.600.000	
II	Chi cục Phát triển nông thôn			19	612	550.000.000	
1	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân			6	200	136.500.000	
	Kỹ thuật trồng, chăm sóc hồ tiêu	Trung Sơn - Gio Linh	1	2	69	34.500.000	
	Kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho gà, vịt	Triệu Thượng - Triệu Phong	1	1	31	21.500.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho bò	Ba Lòng - Đakrông	1	1	30	21.000.000	
	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nem	Triệu Trạch - Triệu Phong	2	1	35	35.000.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho bò	Tân Hợp - Hướng Hóa	1	1	35	24.500.000	
2	Trường Trung học Nông nghiệp và PTNT			6	180	183.000.000	
	Kỹ thuật sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	Vĩnh Linh, Hải Lăng, Gio Linh.	2	3	90	108.000.000	
	Kỹ thuật nuôi giun quế kết hợp chăn nuôi gà/vịt/cá.	Hải Lăng	2	1	30	45.000.000	
	Kỹ thuật trồng/chăm sóc/khai thác cao su	Vĩnh Linh	1	1	30	15.000.000	
	Kỹ thuật trồng chăm sóc/thu hoạch hồ tiêu	Gio Linh	1	1	30	15.000.000	
3	Trung tâm khuyến nông-Khuyến ngư		-	7	232	230.500.000	
	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn	Hướng Hiệp-Đakrông; Cam Tuyền - Cam Lộ	2	2	64	96.000.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt	Triệu Lăng - Triệu Phong	1	1	30	21.000.000	
	Kỹ thuật trồng nấm sò, rom	Hải Lệ - TX. Quảng Trị	1	1	35	21.000.000	
	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nem	Gio Thành - Gio Linh	2	1	33	33.000.000	

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
	Kỹ thuật trồng hoa cúc/hồng/đồng tiền.	Cam Thủy - Cam Lộ	1	1	35	17.500.000	
	Trồng rau an toàn	Phường 2 - Thị xã Quảng Trị	2	1	35	42.000.000	
III	UBND thành phố Đông Hà			7	187	200.000.000	
I	Trung tâm giới thiệu việc làm Quảng Trị			5	131	141.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			3	73	91.400.000	
	Mộc dân dụng	Khu phố 3 phường 5	3	1	22	35.200.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Phường 5	1	1	29	23.200.000	
	Sửa chữa, vận hành máy nông - ngư nghiệp	Phường Đông Giang	3	1	22	33.000.000	
b	Nghề nông nghiệp			2	58	49.600.000	
	Kỹ thuật trồng nấm	Phường 2	1	1	34	21.200.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	Phường Đông Lương	1	1	24	28.400.000	
2	Trường Trung cấp Mai Lĩnh			2	56	59.000.000	
	Điện dân dụng	Trường trung cấp Mai Lĩnh	3	1	25	35.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Phường Đông Thanh	1	1	31	24.000.000	
IV	UBND huyện Cam Lộ			11	303	330.000.000	
	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Cam Lộ			11	303	330.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			4	120	170.000.000	
	Kỹ thuật xây dựng	Thị trấn Cam Lộ, xã Cam Nghĩa	3	2	60	84.000.000	
	Sửa chữa, vận hành máy nông - ngư nghiệp	Xã Cam Thành, Cam Thuận	3	1	30	45.000.000	
	Điện dân dụng	Xã Cam Chính	3	1	30	41.000.000	
b	Nghề nông nghiệp			7	183	160.000.000	
	Kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác mù cao su	Xã Cam Chính	1	1	28	14.000.000	

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
	Trồng rau an toàn	Thị trấn Cam Lộ	2	1	26	31.200.000	
	Kỹ thuật sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	Xã Cam Nghĩa, xã Cam Hiếu	2	2	49	58.800.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt	Xã Cam Thành	1	1	30	21.000.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	Xã Cam Tuyền	1	1	25	17.500.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	Xã Cam Thủy	1	1	25	17.500.000	
V	UBND huyện Triệu Phong			12	348	340.000.000	
	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Triệu Phong			12	348	340.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			6	168	180.000.000	
	Điện Dân dụng	Xã Triệu Vân	3	1	30	42.000.000	
	Sửa chữa, vận hành máy nông - ngư nghiệp	Xã Triệu Long	3	1	25	37.500.000	
	Sửa chữa, vận hành máy nông - ngư nghiệp	Xã Triệu Trung	3	1	25	37.500.000	
	Kỹ thuật chế biến, hấp sấy cá, mực	Xã Triệu An	1	1	35	21.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Thị trấn Ái Tử	1	1	25	20.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Xã Triệu Thuận	1	1	28	22.000.000	
b	Nghề nông nghiệp			6	180	160.000.000	
	Kỹ thuật trồng hoa cúc/hồng/dòng tiền.	Xã Triệu Thành	1	1	31	15.500.000	
	Kỹ thuật trồng hoa cúc/hồng/dòng tiền.	Xã Triệu Độ	1	1	31	15.500.000	
	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn	Xã Triệu Ái	2	1	28	42.000.000	
	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh	Xã Triệu Đông	2	1	30	30.000.000	
	Trồng rau an toàn	Xã Triệu Đại	2	1	30	36.000.000	
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	Xã Triệu Sơn	1	1	30	21.000.000	

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
VI	UBND huyện Vĩnh Linh			15	367	340.000.000	
1	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Vĩnh Linh			14	337	316.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			4	107	156.000.000	
	Điện dân dụng	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện	3	1	22	33.000.000	
	Kỹ thuật thêu ren	Thị trấn Hồ Xá	2	1	30	45.000.000	
	Kỹ thuật sản xuất chổi đót	Xã Vĩnh Hà	1	1	30	30.000.000	
	May công nghiệp	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện và Công ty Cổ phần May và Thương mại Quảng Trị	3	1	25	48.000.000	
b	Nghề nông nghiệp			10	230	160.000.000	
	Kỹ thuật Trồng rau an toàn	Xã Vĩnh Long	2	1	25	30.000.000	
	Kỹ thuật trồng sắn, ngô, lạc	Vĩnh Trung, Vĩnh Tú, Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim	1	4	90	45.000.000	
	Kỹ thuật trồng chăm sóc thu hoạch hồ tiêu	Xã Vĩnh Hiền và Vĩnh Thành	1	2	46	23.000.000	
	Kỹ thuật trồng nấm	Xã Vĩnh Lâm	1	1	25	15.000.000	
	Kỹ thuật trồng rừng	Xã Vĩnh Ô	2	1	20	30.000.000	
	Kỹ thuật sản xuất lúa giống	Xã Vĩnh Thủy	1	1	24	17.000.000	
2	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Vĩnh Linh			1	30	24.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Xã Vĩnh Thạch	1	1	30	24.000.000	
VII	UBND huyện Hải Lăng			13	357	340.000.000	
	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Hải Lăng			13	357	340.000.000	

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
a	Nghề phi nông nghiệp			5	132	180.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Xã Hải Thành	1	1	27	21.360.000	
	Kỹ thuật sản xuất nón lá	Xã Hải Xuân	2	1	30	36.000.000	
	May công nghiệp	Trung tâm DNTT huyện	4	1	25	47.640.000	
	Sửa chữa vận hành máy nông - ngư nghiệp	Xã Hải Trường, Hải Tân	3	2	50	75.000.000	
				8	225	160.000.000	
b	Nghề nông nghiệp						
	KT nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	Xã Hải Khê	1	1	30	21.000.000	
	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ớt	Xã Hải Tân	1	1	30	21.000.000	
	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nộm	Xã Hải Ba	2	1	25	25.000.000	
	Kỹ thuật trồng hoa	Xã Hải Quý	1	1	30	15.000.000	
	Kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho gà, vịt	Xã Hải Vĩnh	1	1	25	17.500.000	
	Kỹ thuật trồng nấm sò/rom/linh chi	Xã Hải Sơn	1	1	30	18.000.000	
	Kỹ thuật trồng chăm sóc, khai thác cao su	Xã Hải Chánh	1	1	25	12.500.000	
	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ớt và chế biến ớt tương	Xã Hải Quý	2	1	30	30.000.000	
				7	225	200.000.000	
VIII	UBND huyện Đakrông						
	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Đakrông			7	225	200.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			2	60	51.200.000	
	Kỹ thuật sản xuất chổi đốt	Húc Nghi, Đakrông	1	2	60	51.200.000	
				5	165	148.800.000	
	Nghề nông nghiệp						
	Kỹ thuật trồng lạc	Ba Lòng, Hướng Hiệp	1	2	55	40.370.000	
	Kỹ thuật trồng nấm	Mô Ô	1	1	30	27.900.000	
	Kỹ thuật trồng lúa nước	Đakrông	1	1	30	30.900.000	

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho bò	Tà rụt	1	1	50	49.630.000	
IX	UBND huyện Hướng Hóa			9	270	240.000.000	
	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Hướng Hóa			9	270	240.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			2	60	90.000.000	
	Điện dân dụng	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện	3	1	30	66.900.000	
	Kỹ thuật gò hàn		3	1	30	23.100.000	
b	Nghề nông nghiệp			7	210	150.000.000	
	Trồng chăn sóc cao su	Xã Hướng Lộc	1	2	60	43.200.000	
	Trồng chăn sóc cao su	Xã Ba Tầng	1	2	60	43.050.000	
	Kỹ thuật trồng chăn sóc cà phê	Xã Hướng Phùng	1	1	30	21.750.000	
	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho gà	Tân Hợp	1	2	60	42.000.000	
X	UBND Thị xã Quảng Trị			7	200	190.000.000	
	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp thị xã Quảng Trị			7	200	190.000.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			3	82	65.600.000	
	Kỹ thuật chế biến các món ăn	UBND Phường An Đôn	1	1	29	23.200.000	
	Kỹ thuật chế biến các món ăn	UBND Phường 1	1	1	23	18.400.000	
	Kỹ thuật chế biến các món ăn	UBND xã Hải Lệ	1	1	30	24.000.000	
b	Nghề nông nghiệp			4	118	124.400.000	
	Kỹ thuật trồng nấm Sò, Rơm	Trung tâm dạy nghề tổng hợp thị xã Quảng trị	1	1	28	23.040.000	
	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn	Phường An Đôn	2	1	30	55.060.000	

Số TT	Cơ sở/nghề đào tạo	Địa điểm đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	Thôn Như Lệ, xã Hải Lệ	1	1	30	25.500.000	
	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Thôn Tân Mỹ xã Hải Lệ	1	1	30	20.800.000	
XI	UBND huyện Gio Linh			12	328	320.000.000	
1	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Gio Linh			11	308	279.800.000	
a	Nghề phi nông nghiệp			4	99	129.800.000	
	Nghề sửa chữa vận hành máy nông ngư nghiệp	Xã Gio Hải	3	1	22	33.000.000	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Thị trấn Cửa Việt	1	1	33	26.400.000	
	Nghề vụ lễ tân	Thị trấn Cửa Việt	3	1	22	35.200.000	
	Pha chế đồ uống-Bar	Thị trấn Gio Linh	3	1	22	35.200.000	
b	Nghề Nông nghiệp			7	209	150.000.000	
	Kỹ thuật nuôi giun quế kết hợp nuôi gà	Thị trấn Gio Linh	2	1	27	40.500.000	
	Kỹ thuật nuôi, phòng trừ bệnh cho lợn	Gio Hải	1	1	34	23.800.000	
	Kỹ thuật nuôi, phòng trừ bệnh cho bò/dê/trâu	Gio Sơn	1	1	29	20.300.000	
	Kỹ thuật trồng chăm sóc hồ tiêu	Gio Bình, Gio Hòa, thị trấn Gio Linh	1	3	89	44.400.000	
	Kỹ thuật nuôi và trừ bệnh cho gà/vịt	Gio Hải	1	1	30	21.000.000	
2	Doanh nghiệp tư nhân Xuân Diệu			1	20	40.200.000	
	Mộc mỹ nghệ	Gio Châu	4	1	20	40.200.000	
	TỔNG			123	3.507	3.600.000.000	

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi, các địa phương, đơn vị báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét điều chỉnh trước khi mở lớp.